

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 09 - 3 - 2021

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Thu Hiền

2. Bà Hoàng Thị Trọng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký
Toa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 304/2020/TLST - HNGĐ, ngày 02/10/2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 19/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1971 (Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày: Tôi và anh Phan Văn C lấy nhau năm 1990, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Tuy nhiên chúng tôi không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Sau ngày cưới tôi về nhà anh C làm dâu đến năm 1992 thì vợ chồng ra ăn, ở riêng kinh tế và cuộc sống hoàn toàn độc lập. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C hay ghen tuông nghe người ngoài về nhà đánh đập vợ, con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ năm 2015 cho đến nay tôi đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai và chấm dứt quan hệ từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh C có 03 con chung:

1. Phan Thị H, sinh năm 1991
2. Phan Văn M, sinh năm 1993
3. Phan Văn H, sinh năm 1996

Khi ly hôn cháu H và cháu M đã trưởng thành xây dựng gia đình và ở riêng, cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi cháu đã đi làm và lo cho cuộc sống riêng của mình nên cháu ở với ai là tùy quyền, tôi không ý kiến gì.

Về tài sản: Tôi và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, bị đơn anh Phan Văn C trình bày: Tôi và cô Triệu Thị H kết hôn năm 1990, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Tuy nhiên chúng tôi không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật, tuổi còn trẻ. Sau ngày cưới cô H về nhà tôi làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì có bất đồng quan điểm sống, cô H là người dân tộc, cô muốn tôi theo họ và theo phong tục của cô H, tuy nhiên tôi không nhất trí, do vậy cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, từ năm 2015 cho đến nay cô Hoa bỏ đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay cô H làm đơn xin ly hôn, tôi nhất trí, không ý kiến gì, cô H bỏ đi là quyền của cô H.

Về con chung: Tôi và cô H có 03 con chung:

1. Phan Thị H, sinh năm 1991
2. Phan Văn Mh, sinh năm 1993
3. Phan Văn H, sinh năm 1996

Khi ly hôn cháu H, cháu M đã trưởng thành xây dựng gia đình và ở riêng, cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi cháu đã đi làm và lo cho cuộc sống riêng của mình nên cháu ở với ai là tùy quyền, tôi không ý kiến gì.

Về tài sản: Tôi và cô H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 04 giấy chứng minh nhân dân (cùng bản sao) mang tên Triệu Thị H, Phan Văn M, Phan Văn H, Phan Thị H; 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Phan Văn Cn. Anh C không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt, tại văn bản xin xét xử vắng mặt, anh Chiến đều giữ nguyên quan điểm giải quyết như lời khai đã trình bày trong quá trình giải quyết, không ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 14 và Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,.

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn C.

- + Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị H phải nộp án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Chiến vắng mặt và có ý kiến xin giải quyết vắng mặt trong việc giải quyết công khai chứng cứ và hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng, con chung đã trưởng thành, về tài sản không đề nghị Tòa án xem xét theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Phan Văn C cư trú tại Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn C có ý kiến xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị Triệu Thị H và anh Phan Văn Cn kết hôn năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phía chị H cho rằng thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C hay ghen tuông nghe người ngoài về nhà đánh đập vợ, con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, do vậy từ năm 2015 cho đến nay chị đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai và chấm dứt quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh Cn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do chị H là người dân tộc thiểu số, chị H muốn anh C theo họ và theo phong tục của chị H, tuy nhiên anh không nhất trí, do vậy cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên từ năm 2015 cho đến nay chị H bỏ đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh C nhất trí, không ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét giữa chị H và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau chấm dứt mọi quan hệ, nay chị H xác định tình cảm không còn, anh C nhất trí với ý kiến xin ly hôn của chị H. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh C cùng xác định anh chị có 03 con chung:

1. Phan Thị H, sinh năm 1991
2. Phan Văn M, sinh năm 1993
3. Phan Văn H, sinh năm 1996

Khi ly hôn, chị H, anh C cùng xác định cả 03 con chung đã trưởng thành cháu H, cháu M đã xây dựng gia đình và ở riêng, cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi cháu đã đi làm lo cho cuộc sống riêng của mình nên cháu ở với ai là tùy quyền nên cả anh C và chị H không ý kiến gì.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị H và anh C đều xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải nộp án phí LHST theo quy định sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; 143; 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 14 và Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn C.

2. Về con chung: 03 con chung: Phan Thị H, sinh năm 1991; Phan Văn M, sinh năm 1993; Phan Văn H, sinh năm 1996 đã trưởng thành.

3. Về tài sản: Chị H, anh C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013506 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI